TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 22 – 7 – 2024.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thu Thúy.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Chí Khánh. Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2024/TLST – HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị T.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành T kết hôn vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vị Thanh, huyện Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà quyết định ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thành N (giới tính nam), sinh ngày 02/5/1994 và Nguyễn Hồ Ái M (giới tính nữ), sinh ngày 19/12/2002, hiện nay 02 con chung đã thành niên và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nay bà Hồ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

Về con chung: Con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Hồ Thị T vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung như bà Hồ Thị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến khoảng đầu năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà Hồ Thị T yêu cầu ly hôn ông đồng ý. Về con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà ông Nguyễn Thành T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà Hồ Thị T đã nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là Giấy chứng nhận kết hôn giữa bà và ông Nguyễn Thành T (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); ông Nguyễn Thành T không có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Thành T chung sống với nhau vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không phù hợp quan điểm trong cuộc sống, khi có mâu thuẫn ông bà đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Toà án cũng tạo điều kiện hoà giải nhưng cả hai bên đều yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên không hoà giải được, hiện nay bà Hồ Thị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn Thành T cũng đồng ý ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của ông bà đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Hồ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

[2] *Về con chung*: có 02 con chung tên Nguyễn Thành N (giới tính nam), sinh ngày 02/5/1994 và Nguyễn Hồ Ái M (giới tính nữ), sinh ngày 19/12/2002, hiện nay 02 con chung đã thành niên và có gia đình riêng. Bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Thành T đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Hồ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Thành T cũng thống nhất và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Hồ Thị T phải chịu.

[5] Đối với sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bà Hồ Thị T là nguyên đơn, ông Nguyễn Thành T là bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hồ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc bà Hồ Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Hồ Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0000942 ngày 02/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Thành T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- UBND phường I, TP. Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Như Nguyện